

ĐỔI MỚI DẠY HỌC CÁC HỢP PHẦN TIẾNG VIỆT CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MÔN NGỮ VĂN 2018

Lê Thị Thu Bình¹

TÓM TẮT

Từ việc khảo sát kiến thức tiếng Việt trong chương trình (2018) ở bậc tiểu học, bài viết đề xuất một số đổi mới về phương pháp dạy học tiếng Việt cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học nhằm giúp sinh viên tiếp cận các mạch kiến thức tiếng Việt trong chương trình (2018), đồng thời biết vận dụng kiến thức được học trong trường đại học vào thực tiễn dạy học tiếng Việt ở nhà trường phổ thông.

Từ khóa: Mạch kiến thức, phương pháp dạy học, môn Tiếng Việt, đổi mới, chương trình.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2018) nói chung, chương trình Tiếng Việt tiểu học (2018) nói riêng được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học, với các yêu cầu cụ thể đạt được về kiến thức và kỹ năng. Đổi mới về chương trình, SGK Tiếng Việt kéo theo sự thay đổi về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở trường tiểu học.

Việc tiếp cận chương trình, SGK (2018) bậc tiểu học nói chung và chương trình SGK môn Tiếng Việt (2018) nói riêng luôn được khoa Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Hồng Đức chú trọng. Trên cơ sở tìm hiểu về nội dung các mạch kiến thức tiếng Việt trong chương trình Tiếng Việt tiểu học (2018), bài viết đề xuất một số đổi mới về phương pháp dạy học tiếng Việt cho sinh viên Giáo dục Tiểu học, nhằm giúp sinh viên tiếp cận chương trình (2018) môn Tiếng Việt ở tiểu học, đồng thời biết vận dụng kiến thức tiếng Việt được học trong trường đại học vào thực tiễn dạy học tiếng Việt ở nhà trường phổ thông.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thống kê, phân loại

Đây là phương pháp được dùng để khảo sát, thống kê, phân loại kiến thức về tiếng Việt trong chương trình Tiếng Việt (2018) ở bậc tiểu học (từ lớp 1 đến lớp 5) để làm cơ sở tin cậy cho những nghiên cứu tiếp theo.

2.2. Phương pháp miêu tả

Phương pháp này được dùng để miêu tả các mạch kiến thức tiếng Việt trong chương trình Tiếng Việt tiểu học (2018) từ lớp 1 đến lớp 5. Qua miêu tả, bài viết tập trung làm nổi bật nội dung kiến thức tiếng Việt đưa vào chương trình, từ đó đưa ra những đổi mới trong phương pháp dạy học các kiến thức tiếng Việt cụ thể như: ngữ âm, từ vựng ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng và phong cách học.

¹ Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Hồng Đức; Email: lethithubinh@hdu.edu.vn

2.3. Phương pháp so sánh, đối chiếu

Đây là phương pháp được dùng để đối chiếu kiến thức tiếng Việt cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học với kiến thức tiếng Việt đưa vào chương trình Tiếng Việt tiểu học (2018). Qua so sánh, đối chiếu, bài viết làm rõ mối liên hệ giữa kiến thức Việt ngữ học và kiến thức tiếng Việt đưa vào chương trình phổ thông ở bậc tiểu học.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát kiến thức tiếng Việt trong chương trình Tiếng Việt (2018) bậc tiểu học

Kiến thức tiếng Việt trong chương trình Tiếng Việt (2018) ở bậc tiểu học được khái quát từ Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2018) [1; tr.18-40].

Bảng 1. Khái quát chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Tiếng Việt bậc tiểu học

STT	Nội dung		Lớp				
1	Kiến thức về ngữ âm và chữ viết tiếng Việt	Âm, vần, thanh; chữ và dấu thanh (lớp 1)	1				
		Quy tắc chính tả phân biệt: c và k, g và gh, ng và ngh	1				
		Bảng chữ cái tiếng Việt, sự khác nhau giữa tên chữ cái (a, bê, xê,...) và âm (a, bờ, cờ,...)		2			
2	Kiến thức về từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt	Vốn từ theo chủ điểm (lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5)	1	2	3	4	5
		Từ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau			3		
		Công dụng của từ điển, cách tìm từ và nghĩa của từ trong từ điển				4	5
		Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu				4	5
		Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng				4	5
		Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ trong biểu đạt nghĩa				4	
		Từ điển: cách tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác					5
		Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu, thông dụng					5
		Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng, “đồng âm khác nghĩa”					
		Từ đồng nghĩa: đặc điểm và tác dụng					5
3	Kiến thức về ngữ pháp	Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất		2	3		
		Danh từ, động từ, tính từ: đặc điểm và chức năng				4	
		Từ xưng hô thông dụng khi giao tiếp ở nhà và ở trường	1				
		Đại từ và kết từ					5
		Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi: đánh dấu kết thúc câu	1				
		Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than: đánh dấu kết thúc câu; dấu phẩy: tách các bộ phận đồng chức trong câu		2			
		Sơ giản về câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm: đặc điểm thể hiện qua dấu câu, qua từ đánh dấu kiểu câu và công dụng của từng kiểu câu			3		

		Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật); dấu ngoặc kép (đánh dấu phân trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại); dấu hai chấm (báo hiệu phân giải thích, liệt kê)			3	
		Câu và thành phần chính của câu: đặc điểm và chức năng			4	
		Trạng ngữ của câu: đặc điểm và chức năng (bổ sung thông tin)			4	
		Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu các ý liệt kê); dấu gạch nối (nối các từ ngữ trong một liên danh); dấu ngoặc kép (đánh dấu tên của một tác phẩm, tài liệu); dấu ngoặc đơn (đánh dấu phần chú thích)			4	
		Câu đơn và câu ghép: đặc điểm và chức năng				5
		Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu); dấu gạch nối (nối các tiếng trong những từ mượn gồm nhiều tiếng)				5
		Sơ giản về đoạn văn và văn bản có nhiều đoạn: dấu hiệu nhận biết		3		
		Câu chủ đề của đoạn văn: đặc điểm và chức năng			4	
		Liên kết giữa các câu trong một đoạn văn, một số biện pháp liên kết câu và từ ngữ liên kết: đặc điểm và tác dụng.				5
4	Kiến thức dụng học	Một số nghi thức giao tiếp thông dụng ở nhà và ở trường: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép	1			
		Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ)	1			
		Hội thoại: lắng nghe, nói theo lượt lời		2		
		Sơ giản về lượt lời thể hiện qua trao đổi nhóm			3	
5	Kiến thức phong cách học	Biện pháp tu từ so sánh: đặc điểm và tác dụng			3	
		Biện pháp tu từ nhân hoá: đặc điểm và tác dụng				4
		Biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ: đặc điểm và tác dụng				5
		Sơ giản về lượt lời thể hiện qua trao đổi nhóm		3		
		Biện pháp tu từ nhân hoá: đặc điểm và tác dụng				4
		Biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ: đặc điểm và tác dụng				5

Tổng thời lượng 1505 tiết trên tổng số 5 lớp (từ lớp 1 đến lớp 5), nội dung kiến thức tiếng Việt đưa vào chương trình Tiếng Việt ở bậc tiểu học là những kiến thức cơ bản thuộc về ngữ âm học, từ vựng - ngữ nghĩa, ngữ pháp, phong cách học, ngữ dụng học. Các mạch kiến thức tiếng Việt này được xây dựng theo quan điểm đồng tâm và tích hợp với mức độ sơ giản, đơn giản đến nâng cao dần theo lớp, từ lớp 1 đến lớp 5.

3.2. Đề xuất một số đổi mới về phương pháp dạy học tiếng Việt cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học

Thực tế, việc đổi mới phương pháp dạy học tiếng Việt luôn được giảng viên cập nhật, thực hiện, với mục đích vừa cung cấp kiến thức Việt ngữ học, vừa giúp sinh viên liên hệ vận dụng kiến thức vào thực tế giảng dạy môn Tiếng Việt ở trường tiểu học. Tuy nhiên, việc cung cấp kiến thức ít nhiều còn nặng về lí thuyết, hàn lâm. Việc vận dụng vào thực tế

dạy học theo chương trình Tiếng Việt (2018) trong quá trình dạy học còn chưa đồng bộ giữa các giảng viên; một số sinh viên chưa thấy mối liên quan giữa kiến thức Việt ngữ học trong trường sư phạm với việc vận dụng kiến thức đó trong dạy học môn Tiếng Việt ở trường tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Từ những thực tế này, bài viết đưa ra một số đổi mới về phương pháp dạy học môn Tiếng Việt cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.

3.2.1. Phương pháp dạy học ngữ âm và chính tả chữ Việt

Về lí thuyết

Giảng viên cung cấp đầy đủ, cơ bản và nâng cao kiến thức về ngữ âm học tiếng Việt cho sinh viên, bao gồm: kiến thức về ngữ âm tiếng Việt như hệ thống âm vị, âm tiết,... chú trọng hệ thống âm vị như: phụ âm đầu, âm đệm, nguyên âm, âm cuối, thanh điệu; cấu trúc của âm tiết, thanh điệu; các quy tắc chính tả chữ Việt.

Giảng viên yêu cầu sinh viên tìm hiểu và trình bày kiến thức ngữ âm tương ứng trong chương trình Tiếng Việt tiểu học như hệ thống các bài dạy học vần, bao gồm các bài về âm (ví dụ âm **a, b, c..**) và vần (bài một vần (ví dụ vần **an**), bài hai vần (ví dụ: **on, at**), ba vần (ví dụ **am, ăm, âm**), bốn vần (ví dụ: **em, êm, im, um**); cách ghép vần, đánh vần, ghép tiếng; phân biệt âm và chữ.

Giảng viên yêu cầu sinh viên nắm vững quy tắc chính tả chữ Việt, phân biệt âm và chữ đặc biệt biết phân biệt: **c** và **k, g** và **gh, ng** và **ng**; nắm vững quy tắc viết hoa: viết hoa chữ cái đầu câu, viết hoa tên riêng...; bảng chữ cái tiếng Việt, sự khác nhau giữa tên chữ cái (a, bê, xê,...) và âm (a, bờ, cờ,...)

Về thực hành

Giảng viên giao bài tập về âm vị tiếng Việt, phân biệt âm và chữ, phát hiện và sửa các lỗi chính tả thường gặp.

Giảng viên yêu cầu sinh viên tìm hiểu kiến thức về ngữ âm và chính tả Việt trong chương trình Tiếng Việt tiểu học (2018).

Giảng viên yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức ngữ âm đã học, liên hệ, xây dựng các bài tập về ngữ âm và chính tả chữ Việt theo chương trình Tiếng Việt tiểu học (2018).

3.2.2. Phương pháp dạy học Từ vựng - Ngữ nghĩa học

Về lí thuyết

Giảng viên cung cấp đầy đủ, cơ bản, chuyên sâu kiến thức về từ vựng - ngữ nghĩa học tiếng Việt cho sinh viên, bao gồm: đơn vị cấu tạo từ, phương thức cấu tạo từ, các kiểu từ theo cấu tạo, trường nghĩa, các từ có quan hệ về nghĩa, các lớp từ vựng tiếng Việt.

Về thực hành

Giảng viên yêu cầu sinh viên tìm hiểu và trình bày kiến thức từ vựng dạy học trong chương trình Tiếng Việt (2018) ở tiểu học như sau: kiến thức về trường nghĩa: Vốn từ theo chủ đề; Kiến thức về từ có quan hệ về nghĩa: Từ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau.

Giảng viên yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức từ vựng - ngữ nghĩa đã học, liên hệ, xây dựng hệ thống bài tập về từ vựng - ngữ nghĩa trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.

3.2.3. Phương pháp dạy học Ngữ pháp học

Về lí thuyết

Giảng viên cung cấp đầy đủ, cơ bản, nâng cao kiến thức về ngữ pháp học tiếng Việt cho sinh viên, bao gồm: kiến thức về từ loại, cụm từ, câu, dấu câu, đoạn văn, liên kết trong đoạn văn.

Về thực hành

Giảng viên yêu cầu sinh viên tìm hiểu và trình bày kiến thức ngữ pháp tương ứng dạy trong trường tiểu học như sau:

Kiến thức về từ loại: từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm gần gũi; từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất; từ xưng hô thông dụng khi giao tiếp ở nhà và ở trường.

Kiến thức về câu: công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than (đánh dấu kết thúc câu); dấu phẩy.

Sơ giản về câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật); dấu ngoặc kép (đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại); dấu hai chấm (báo hiệu phần giải thích, liệt kê).

Giảng viên yêu cầu sinh viên tìm hiểu và trình bày kiến thức đoạn văn tương ứng dạy trong trường tiểu học như: sơ giản về đoạn văn và văn bản có nhiều đoạn (dấu hiệu nhận biết).

Giảng viên yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức ngữ pháp tiếng Việt đã học, liên hệ, xây dựng hệ thống bài tập về ngữ pháp tiếng Việt trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.

3.2.4. Phương pháp dạy học phong cách học

Về lí thuyết

Giảng viên cung cấp đầy đủ, cơ bản kiến thức về phong cách học tiếng Việt cho sinh viên, bao gồm: các phong cách chức năng tiếng Việt, các phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt.

Về thực hành

Giảng viên yêu cầu sinh viên tìm hiểu kiến thức phong cách học tiếng Việt tương ứng dạy trong trường tiểu học, gồm: biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, phép điệp.

Giảng viên yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức phong cách học tiếng Việt đã học, liên hệ, xây dựng hệ thống bài tập về tu từ so sánh, nhân hóa, phép điệp.

3.2.5. Phương pháp dạy học Ngữ dụng học

Về lí thuyết

Giảng viên cung cấp kiến thức cơ bản về ngữ dụng học cho sinh viên, bao gồm: lượt lời, hành vi ngôn ngữ.

Thực hành

Giảng viên yêu cầu sinh viên tìm hiểu và trình bày kiến thức ngữ dụng học tương ứng dạy trong trường tiểu học như:

Một số nghi thức giao tiếp thông dụng ở nhà và ở trường: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép;

Kiến thức Hội thoại: lắng nghe, nói theo lượt lời; kiến thức sơ giản về lượt lời thể hiện qua trao đổi nhóm.

Giảng viên yêu cầu sinh viên vận dụng những kiến thức ngữ dụng đã học, liên hệ, xây dựng hệ thống bài tập về một số nghi thức giao tiếp thông dụng, nói theo lượt lời trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.

4. KẾT LUẬN

Tiếng Việt là môn học quan trọng trong trường tiểu học. Đây là “môn học vừa có vai trò trang bị cho học sinh công cụ ngôn ngữ, vừa là môn học có nhiệm vụ trang bị cho học sinh những kiến thức về khoa học tiếng Việt, những kỹ năng sử dụng tiếng Việt” [8; tr.18]. Vì vậy, trong quá trình dạy các học phần tiếng Việt cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, bên cạnh việc cung cấp kiến thức Việt ngữ học cho sinh viên, giảng viên phải giúp sinh viên liên hệ kiến thức đưa vào trong chương trình Tiếng Việt tiểu học. Giảng viên phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của người học, hình thành và phát triển năng lực tự học. Giảng viên cần chuẩn bị tốt về phương pháp đối với các giờ lí thuyết cũng như thực hành để đảm bảo yêu cầu rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Việt, giúp sinh viên vận dụng tốt kiến thức tiếng Việt trong thực tiễn dạy học môn Tiếng Việt ở trường tiểu học hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Tài liệu tập huấn dạy học tích hợp ở trường tiểu học*, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [3] Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 Về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [4] Quốc Hội (2014), *Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 Về đổi mới chương trình, sách giáo khoa Giáo dục phổ thông*.
- [5] Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương (2020), *Tiếng Việt 1, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [6] Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Kim Phượng (2021), *Tiếng Việt 2, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [7] Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương, Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan (2022), *Tiếng Việt 3, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

- [8] Lê Phương Nga (2015), *Bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [9] Lê Phương Nga (Chủ biên), Lê A, Đặng Kim Nga, Đỗ Xuân Thảo (2009), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, Tập I, Tập II*, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [10] Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 Phê duyệt đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa Giáo dục phổ thông*.

NEW WAYS OF PRIMARY EDUCATION TEACHING VIETNAMESE LANGUAGE TO PRIMARY EDUCATION STUDENTS AT HONG DUC UNIVERSITY TO MEET THE REQUIREMENTS OF THE 2018 GENERAL EDUCATION CURRICULUM

Le Thi Thu Binh

ABSTRACT

Based on a survey of Vietnamese language knowledge in the 2018 primary education curriculum, this article proposes several innovations in teaching methods for Vietnamese language instruction to primary education students. These innovations aim to help students engage with the Vietnamese language knowledge streams in the 2018 curriculum and apply the Vietnamese language knowledge acquired in university to practical teaching in primary schools.

Keywords: *Knowledge streams, teaching methods, Vietnamese language, innovation, curriculum.*

* Ngày nộp bài: 8/11/2023; Ngày gửi phản biện: 8/12/2023; Ngày duyệt đăng: 25/2/2024